

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN LONG BIÊN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
*Độc lập – Tự do – Hạnh phúc*

-----

-----  
**Bản án số: 423/2021/HNGĐ-ST**

**Ngày: 06/12/2021**

*V/v: Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN- TP HÀ NỘI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Lý Thị Tường Nga**

**Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tiến và bà Nguyễn Thị Cúc**

**Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thu Hà - Cán bộ Toà án nhân dân quận Long Biên**

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Ông Bùi Bách Thành - Kiểm sát viên**

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở TAND quận Long Biên, phường Giang Biên, Q. Long Biên, TP Hà Nội. Toà án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 344/HNGĐ ngày 15/10/2021 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:75/2021/QĐXX ngày 02/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2021/QĐ- HPT ngày 19/11/2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Anh NĐT, sinh năm 1990**

**HKTT: tổ 8 phường VH, quận LB, TP HN**

*(có đơn xin vắng mặt)*

**Bị đơn: Chị DTD, sinh năm 1990**

**HKTT và nơi cư trú cuối cùng: Tổ 8, phường VH, quận LB, TP. HN.**

*(vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Tại đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án nguyên đơn là anh NĐT trình bày:**

- **Về tình cảm:** Anh NĐT và chị DTD kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/3/2011 tại UBND phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội. Quá trình chung sống, anh chị có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do mỗi người một tính cách, quan điểm không hợp, cuộc sống chung không hạnh phúc. Đến năm 2014, chị D bỏ nhà ra đi, gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi không có tin tức gì. Tháng 4/2021, anh T đã làm đơn đề nghị Tòa án quận Long Biên tuyên bố mất tích đối với chị DTD do đó ngày 25/9/2021 Tòa án nhân dân quận Long Biên đã ra quyết định số 98/2021/QĐST-VDS về việc tuyên bố mất tích đối với chị DTD. Anh T xác định mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn được tình cảm nên làm đơn đề nghị được ly hôn với chị DTD.

- **Về con chung:** Anh chị có 01 con chung là cháu NQA, sinh ngày 14/9/2012. Từ sau khi chị D bỏ đi, cháu QA ở với anh và bà nội tại VH. Sau ly hôn, nguyện vọng của anh T được nuôi con, không yêu cầu chị D cấp dưỡng. Hiện anh T đang làm tự do thu nhập từ 7.000.000 – 8.000.000 đồng/ tháng, ngoài ra có sự hỗ trợ của mẹ anh T trong việc trong chăm sóc, dạy dỗ cháu QA.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn là chị DTD** có HKTT và nơi cư trú cuối cùng tại Tổ 8 phường VH, quận LB, TP HN đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà phát biểu :** Toà án thụ lý vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28; Điều 220; Điều 266; Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016 về án phí lệ phí Tòa án,.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh NĐT. Cho anh NĐT được ly hôn với chị DTD.

+ Con chung: Giao cháu NQA, sinh ngày 14/9/2012 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với chị D cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

+ Tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

+ Án phí: Theo quy định pháp luật

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

### **\* Về thủ tục tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh NĐT, HKTT: tổ 8 phường VH, quận LB, TP HN xin ly hôn với chị DTD, HKTT và nơi cư trú cuối cùng: Tổ 8 phường VH, quận LB, TP HN. Toà án nhân dân quận Long Biên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

### **Về việc xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng:**

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định tại Chương X của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**\* Về quan hệ hôn nhân:** Anh NĐT và chị DTD kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/3/2011 tại UBND phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội. Quá trình chung sống, anh chị có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc. Đến năm 2014, chị D bỏ nhà đi, gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi không có tin tức gì. Tháng 4/2021, anh T đã làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố mất tích đối với chị D, sau 04 tháng đăng tin tìm kiếm không có

tin tức nên Tòa án nhân dân quận Long Biên đã ra quyết định số 98/2021/QĐST-VDS ngày 25/9/2021 tuyên bố mất tích đối với chị DTD theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống chung giữa anh T và chị D không có hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn ly hôn của anh NĐT là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

**\* Về con chung:** Anh chị có 01 con chung là cháu NQA, sinh ngày 14/9/2012. Hiện cháu QA đang ở với anh T và bà nội tại tổ 8 phường VH, quận LB, TP HN đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập, bản thân cháu QA cũng có nguyện vọng muốn ở với bố vì chị D hiện đã mất tích nên giao cháu QA cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị D đóng góp phí tổn nuôi con.

**\* Về tài sản chung và nợ chung:** Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

**\* Về án phí:** Anh NĐT phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

***Vì các lẽ trên:***

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ /UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

**Xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh NĐT.** Anh NĐT được ly hôn với chị DTD.

**2. Về con chung:** Anh chị có 01 con chung là cháu NQA, sinh ngày 14/9/2012.

Giao cháu QA cho anh NĐT trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với chị D cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

*Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung*

**3. Về tài sản chung, nhà ở và nợ chung:** Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về án phí:** Anh NĐT phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0064736 ngày 15/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên nay chuyển thành án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- TAND TP Hà Nội
- VKSND quận Long Biên
- Chi cục THADS quận Long Biên
- UBND phường Việt Hưng
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lý Thị Tường Nga**